ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HÀNG GÒN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1240 /QĐ-UBND	*Hàng Gòn, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Danh mục thông tin phải được công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện của Ủy ban nhân dân phường Hàng Gòn

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HÀNG GÒN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 337/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin;

Căn cứ Thông tư số 126/2026/TT-BTC ngày 24/8/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết chi phí thực tế để in, sao, chụp và gửi thông tin theo quy định tại điều 25 Luật tiếp cận thông tin;

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 của UBND phường Hàng Gòn về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân phường Hàng Gòn, nhiệm kỳ 2026-2031;

Căn cứ Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 20/10/2026 của UBND phường Hàng Gòn về việc ban hành Quy chế cung cấp thông tin cho công dân của UBND phường Hàng Gòn;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường tại Tờ trình số 81/TTr-VP ngày 29/10/2026 ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục thông tin phải được công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin thuộc trách nhiệm công bố của UBND phường Hàng Gòn (*có Danh mục kèm theo*)

Điều 2. Danh mục thông tin theo quy định tại Điều 1 Quyết định này phải được công khai và cung cấp thông tin cho công dân theo đúng hình thức, trình tự, thủ tục quy định tại Luật Tiếp cận thông tin ngày 23/4/2026 và Nghị định số 337/2026/NĐ-CP ngày 26/8/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Văn phòng HĐND và UBND phường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu giúp UBND phường thực hiện nhiệm vụ sau:

- Thường xuyên cập nhật các Danh mục thông tin nêu trên (*khi có sự thay đổi*); kịp thời công khai nội dung thay đổi, điều chỉnh thông tin đã được công khai (*nếu có*) theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

- Cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin đối với những thông tin trong thời hạn công khai nhưng chưa được công khai, thông tin hết thời hạn công khai theo quy định của pháp luật hoặc thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận được.

- Thực hiện công khai, cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ những thông tin phải được công khai, thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo các Danh mục kèm theo Quyết định này và quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở phường.

- Tổng hợp, báo cáo HĐND phường về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung công khai thông tin tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường để biết, giám sát.

2. Phòng Kinh tế- Hạ tầng – Đô thị, phòng Văn hóa - Xã hội và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND phường thường xuyên cập nhật, công khai các Danh mục thông tin nêu tại khoản 1 Điều này theo quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và pháp luật có liên quan.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND phường trong thực hiện việc cập nhật, công khai thông tin theo Điều 1 trên Trang thông tin điện tử phường hoặc bằng các hình thức phù hợp theo quy định pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Sở Tư pháp thành phố (để b/c);
- TT. Đảng ủy phường (để b/c);;
- TT. HĐND phường (để b/c);;
- CT, các PCT UBND phường;
- Các phòng chuyên môn thuộc UBND phường;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường;
- Lưu: VT, VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG HÀNG GÒN T.P ĐỒNG NAI

Hoàng Trọng Phương

DANH MỤC THÔNG TIN PHẢI CÔNG KHAI
theo quy định tại Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1240/QĐ-UBND ngày 30/10 /2026 của UBND phường Hàng Gòn)

1. Văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND phường ban hành.

2. Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của UBND phường.

3. Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước mà đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật.

4. Chiến lược, chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của UBND phường.

5. Số liệu, báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch hoạt động tài chính của phường trình HĐND phường; dự toán ngân sách, kế hoạch hoạt động tài chính đã được HĐND phường quyết định; số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách phường định kỳ theo quý, 06 tháng, hàng năm; quyết toán ngân sách nhà nước và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác đã được HĐND phường phê chuẩn; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước (nếu có).

6. Dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách đối với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước; thủ tục ngân sách nhà nước.

7. Tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bán, thanh lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản công do phường quản lý; tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công của chính quyền phường.

8. Dự án, công trình đầu tư trên địa bàn cấp xã và tiến độ thực hiện; kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình đầu tư trên địa bàn phường; kế hoạch quản lý, sử dụng quỹ đất do cấp xã quản lý; kế hoạch cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của phường; quy hoạch xây dựng phường (quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu 7 và tỷ lệ 1/200 phân khu 6 của phường)

9. Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ theo quy định; thông tin về quản lý, sử dụng các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân, các loại quỹ.

10. Thông tin về danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về đấu thầu; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường,

giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn phường.

11. Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có tác động tiêu cực đến sức khỏe, môi trường; kết luận kiểm tra, thanh tra, giám sát liên quan đến việc bảo vệ môi trường, sức khỏe của cộng đồng, an toàn thực phẩm, an toàn lao động.

12. Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của UBND phường hoặc của người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết các công việc của Nhân dân; nội quy, quy chế làm việc của HĐND và UBND phường

13. Chủ trương, chính sách, kế hoạch, tiêu chí, đối tượng, quy trình bình xét và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ, trợ cấp, tín dụng để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, phát triển sản xuất, hỗ trợ xây dựng nhà ở, cấp thẻ bảo hiểm y tế và các chính sách an sinh xã hội khác được tổ chức triển khai trên địa bàn phường.

14. Thông tin về phạm vi, đối tượng, cách thức bình xét, xác định đối tượng, mức hỗ trợ, thời gian, thủ tục thực hiện phân phối các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố, thảm họa hoặc để hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn phường; việc quản lý, sử dụng các nguồn đóng góp, quyên góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài dành cho các đối tượng trên địa bàn phường.

15. Số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn gọi nhập ngũ; danh sách công dân đủ điều kiện nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách công dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ trên địa bàn phường.

16. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, vi phạm kỷ luật đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở khu phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Trưởng ban của Hội đồng nhân dân phường, Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân phường.

17. Kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân, nội dung lấy ý kiến, kết quả tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những nội dung chính quyền phường đưa ra lấy ý kiến Nhân dân.

18. Thông tin liên quan đến lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng.

19. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do UBND phường trực tiếp thu

20. Các thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, cá nhân do UBND phường trực tiếp thực hiện

21. Thông tin khác phải được công khai theo quy định của pháp luật.

DANH MỤC THÔNG TIN CÔNG DÂN ĐƯỢC TIẾP CẬN CÓ ĐIỀU KIỆN
Theo quy định tại Điều 16 Luật Tiếp cận thông tin

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2026 của UBND phường Hàng Gòn)

1. Thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được tiếp cận trong trường hợp được người đó đồng ý. Thông tin liên quan đến bí mật gia đình được tiếp cận trong trường hợp được các thành viên gia đình đồng ý. Việc tiếp cận thông tin thuộc dữ liệu cá nhân thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh được tiếp cận trong trường hợp chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó đồng ý.

3. Việc tiếp cận có điều kiện đối với tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

4. Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, dữ liệu cá nhân, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý theo quy định tại mục 1 và mục 2 nêu trên.